

Bản án số: 11/2023/HNGĐ - ST
Ngày 29/12/2023
V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố
nước ngoài”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh và bà Hoàng Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh
Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Lương Minh Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang
xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2023/TLST – HNGĐ,
ngày 10 tháng 10 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố
nước ngoài*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ,
ngày 23 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-HNGĐ
ngày 12/12/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: khu Làng V, xã Hợp N, huyện Đoan H, tỉnh Phú T. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân Ch, sinh năm 1983;

Nơi ĐKHTTT: Tổ 18, phường Đội C, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q (Hiện
đang sinh sống ở nước ngoài). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên
đơn chị Dương Thị T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Xuân Ch, sinh năm 1983, địa chỉ: Tổ 18, phường Đội C, thành
phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q, đăng ký kết hôn ngày 23/01/2011, tại Ủy ban nhân dân xã
Hợp N, huyện Đoan H, tỉnh Phú T, trước khi kết hôn vợ chồng chị có thời gian tìm hiểu
nhau và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, sau khi kết
hôn hai vợ chồng chị sinh sống tại xóm 4 khu 11, thị trấn Tân B, huyện Yên S, tỉnh
Tuyên Q, nay thuộc Tổ 18, phường Đội C, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q. Quá trình
chung sống tình cảm vợ chồng chị hạnh phúc. Đến năm 2017 vợ chồng chị đi xuất khẩu

lao động tại Đài Loan. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chỉ không tin tưởng nhau, từ tháng 5 năm 2021 vợ chồng chỉ sống ly thân, đến tháng 01 năm 2023 chỉ về nước còn anh Ch vẫn tiếp tục lao động xuất khẩu tại Đài Loan, hiện nay anh Ch ở địa chỉ cụ thể nào thì chị không biết, vì anh Ch thường xuyên thay đổi nơi làm việc. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, quan hệ hôn nhân không hàn gắn được, vì vậy chị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Xuân Ch.

Về con chung: Chị T và anh Ch có 02 con chung, cháu Nguyễn Hiền N, sinh ngày 04/12/2011 và cháu Nguyễn Lê Q, sinh ngày 12/12/2013, khi ly hôn chị T đề nghị giải quyết cho chị T trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị T xác định vợ chồng chị không có tài sản chung và không vay nợ ai, nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân Ch hiện đang ở nước ngoài: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Nguyễn Xuân Ch thông qua người thân của anh Ch tại Việt Nam bố, mẹ đẻ anh Ch là ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị T, địa chỉ: khu Nghia K, xã Hợp N, huyện Đoan H, tỉnh Phú T.

Ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị T1 có ý kiến như sau: Tháng 02 năm 2017 Ch đi lao động tại Đài Loan, nhưng không biết địa chỉ cụ thể, anh Ch thỉnh thoảng khoảng 4 đến 5 ngày anh Ch gọi điện thoại về nhà cho bố mẹ qua mạng xã hội messenger. Chị T cũng đã thông báo cho ông H, bà T1 biết về việc chị T xin ly hôn với anh Ch, ông bà cũng đã khuyên ngăn chị T nhiều lần nhưng không được; về con chung: Vợ chồng anh Ch, chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hiền N, sinh năm 2011 và cháu Nguyễn Lê Q, sinh năm 2013; về tài sản chung và vay nợ chung, anh Ch và chị T không có tài sản chung và không vay nợ ai. Ông H, bà T1 cam đoan sau này các văn bản khác của Tòa án gửi về sẽ nhận thay và thông báo lại với anh Nguyễn Xuân Ch.

Do anh Nguyễn Xuân Ch đang ở nước ngoài và chị Dương Thị T không yêu cầu hòa giải, nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa chị Dương Thị T tiếp tục đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ch và nuôi hai con chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa. Anh Nguyễn Xuân Ch đã được người thân trong gia đình thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Công văn

253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Xuân Ch theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ có đủ cơ sở kết luận cuộc sống vợ chồng của chị Dương Thị T và anh Nguyễn Xuân Ch không có hạnh phúc, đã sống ly thân nhiều năm, hiện anh Ch đang ở nước ngoài không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Về con chung: Hiện anh Ch đang ở nước ngoài, chị T đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì vậy đề nghị giao con chung là cháu Nguyễn Hiền N và cháu Nguyễn Lệ Q cho chị T trực tiếp nuôi là phù hợp với pháp luật cũng như thực tế. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T tự nguyện có trách nhiệm nuôi con không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và về vay nợ chung: Anh Ch và chị T không có, không đề nghị giải quyết. Chị Dương Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Dương Thị T và anh Nguyễn Xuân Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/01/2011, tại Ủy ban nhân dân xã Hợp N, huyện Đoan H, tỉnh Phú T, theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp. Ngày 29/6/2023, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Tuyên Quang có công văn số 526/PA08 – Đ1 về cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của công dân nội dung “Nguyễn Xuân Ch, sinh ngày 15/11/1983, đã được cấp hộ chiếu số C2833764. Ngày 15/3/2017 Nguyễn Xuân Ch xuất cảnh ra nước ngoài tại Sân bay quốc tế Nội Bài (không có địa chỉ nơi đến)”. Như vậy qua thu thập thông tin, tài liệu mới xác định anh Nguyễn Xuân Ch hiện nay đang ở nước ngoài.

[2]. Về việc vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Xuân Ch hiện đang ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể, gia đình anh Ch xác nhận anh vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình tuy nhiên gia đình không biết địa chỉ cụ thể của anh. Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng của Tòa án và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Nguyễn Xuân Ch thông qua mẹ đẻ anh Ch. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Công văn 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Xuân Ch là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị T:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị Dương Thị T phù hợp với ý kiến trình bày của bố mẹ đẻ anh Ch và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa chị T và anh Ch có mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, hiện chị T và anh Ch ở một nước khác nhau, không còn quan tâm tới nhau, đã sống ly thân nhiều năm. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Ch đã thực sự không còn yêu thương nhau, không cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Dương Thị T.

[3.2]. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị T và anh Nguyễn Xuân Ch có hai con chung là cháu Nguyễn Hiền N, sinh ngày 04/12/2011 và cháu Nguyễn Lệ Q sinh ngày 12/12/2013. Hội đồng xét xử thấy cháu N và cháu Q hiện nay đang sống chung với chị T, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con, không đề nghị anh Ch cấp dưỡng nên để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu N và cháu Q và nguyện vọng về việc nuôi con của các đương sự cần giao cháu Nguyễn Hiền N và cháu Nguyễn Lệ Q cho chị Dương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Nguyễn Xuân Ch được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

[3.3]. Về tài sản chung và vay nợ chung: Theo lời khai chị Dương Thị T không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Dương Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Dương Thị T và anh Nguyễn Xuân Ch được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Công văn 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Dương Thị T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Ch.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Hiền N, sinh ngày 04/12/2011 và cháu Nguyễn Lệ Q, sinh ngày 12/12/2013 cho chị Dương Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Xuân Ch không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Ch có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo Biên lai số 0006479 ngày 04 tháng 10 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Dương Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Xuân Ch vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang (khi có HLPL);
- UBND xã Hợp Nhất, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nam